TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:140/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2022
V/v tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm

2. Bà Nguyễn Ngọc Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Châu Thị B, sinh năm 1992. " vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã L, huyện R, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Ngô Tấn C, sinh năm 1986. "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã L, huyện R, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng*: anh Châu Minh T, sinh năm 1984 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp S, xã L, huyện C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/6/2022 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Châu Thị B trình bày: Chị và anh Ngô Tấn C xây dựng hôn nhân vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 18/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng tại ấp N, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân

từ tháng 06/2021 đến nay. Sau đó vợ chồng không thể hàn gắn được mà càng mâu thuẫn trầm trọng hơn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh C. Con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Tấn T, sinh ngày 24/6/2013 hiện đang sống chung với anh C. Nay ly hôn chị để anh C tiếp tục nuôi, chị tự nguyện cấp cưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về T sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị Châu Thị B, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh C không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Thị B.

Về hôn nhân: Xử cho chị Châu Thị B được ly hôn anh Ngô Tấn C.

Về con chung: Giao cháu Châu Tấn T, sinh ngày 24/6/2013 cho anh Ngô Tấn C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Châu Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi và chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị B nộp 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Châu Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ngô Tấn C, có địa chỉ ấp N, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Châu Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Ngô Tấn C được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Bô.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Châu Thị B và anh Ngô Tấn C kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhân kết hôn số: 128 ngày 18/12/2012 và chị B, anh C kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị B cho rằng: Thời gian chung sống khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 06/2021 đến nay. Sau đó vợ chồng không thể hàn gắn được mà càng mâu thuẫn trầm trọng hơn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu ly hôn với anh C. Xét lời trình bày chị B phù hợp với lời khai của người làm chứng mà Tòa án thu thập được. Mặc khác, việc yêu cầu ly hôn của chị B thì anh C không có ý kiến gì. Vợ chồng không còn sống với nhau từ 06/2021 đến nay. Xét thấy vợ chồng thật sự có mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B là căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên: Ngô Tấn T, sinh ngày 24/6/2013 hiện đang sống chung anh C, nay chị B yêu cầu để anh C được tiếp tục nuôi. Xét thấy từ khi chị B và anh C không còn sống chung với nhau cháu T sống với anh C cuộc sống cũng đảm bảo. Anh C cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con nên việc giao cháu T cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị B tự nguyện cấp dưỡng cho anh C để nuôi con 1.000.000đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh C cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhân sự tự nguyện này của chị B.

[5] Về T sản chung, nợ chung: chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị B phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cháp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Châu Thị B.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Châu Thị B được ly hôn với anh Ngô Tấn C.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Tấn T, sinh ngày 24/6/2013 cho anh Ngô Tấn C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Châu Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi và chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu Thi hành án nếu chị B chưa thi hành số tiền cấp dưỡng thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Châu Thị B phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng 600.000đồng (sáu trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0014675 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Còn lại 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) buộc chị B nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Thi hành án dân sự huyện V;
- Uỷ ban nhân dân xã L, huyện V,
(Giấy kết hôn số: 128 ngày 18/12/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.